

LỄ THÊ, MỘT NGHI THỨC THIÊNG LIÊNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM XƯA VÀ NAY

LÊ TRUNG VŨ^(*)

Lễ hội cổ truyền còn được gọi là hội làng, là một sinh hoạt văn hóa tôn giáo, nghệ thuật của cộng đồng người Việt ở các làng, thường mở vào mùa xuân như là một nghi thức mừng công trong dịp nông nhàn.

Trong số 8.000 hội làng mở ra hằng năm trên toàn quốc như Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công bố thì đề tài về nông nghiệp chiếm tỉ lệ rất cao - bởi nền kinh tế sinh nghiệp của người Việt là nghề nông với nhiều biểu hiện, nhiều kĩ thuật sản xuất trên các địa hình khác nhau như ruộng nước, ruộng bậc thang, nương, rẫy, v.v... Ngoài ra, hội làng còn mang các đề tài khác như ngư nghiệp, lâm nghiệp, hoặc nữa, là đề tài về lịch sử (ca ngợi chiến công của các anh hùng chống ngoại xâm), đề tài về văn hóa, suy tôn các anh hùng văn hóa, ghi công các vị thánh sư (tổ nghề) đã sáng tạo ra các nghề thủ công, mĩ nghệ làm phong phú thêm đời sống nông thôn và sinh hoạt văn hóa làng quê xưa, đồng thời nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

Hơn thế, lại có lễ hội của các tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, hay đạo Tin Lành, đạo Mẫu, v.v...

Bên những đề tài vừa nêu, còn có một loại lễ hội đặc biệt vừa mang tính dân gian vừa mang tính cung đình, chỉ được tổ chức ở một địa điểm cố định, với nội dung giải quyết một nhu cầu quan trọng trong cuộc sống thuộc phạm trù đạo đức, có liên quan tới vận mệnh của đất nước cũng như sinh mệnh của những cá thể tham gia lễ hội này.

Đó là lễ the, ăn the hay lễ minh the.

Lễ the (minh the) có từ rất xưa trong lịch sử loài người, là một trong những nghi lễ quan trọng của nhà nước phong kiến Việt Nam. Nó được coi là hình thức, công cụ để tạo lập sự ổn định cho xã hội đương thời.

Lễ the là nghi thức tiêu biểu được ghi riêng thành một mục trong Phần Lễ nghi sách *Lịch triều hiến chương loại chí*⁽¹⁾. Lễ minh the được nhắc đến trong mục này chính là lễ the đền Đồng Cổ. Chúng ta biết đến lễ the đền Đồng Cổ ngày nay như một lễ hội dân gian mang tính địa phương. Nhưng trong quá khứ, thời Lý - Trần, lễ hội đền Đồng Cổ được nhà nước

^{*}. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Sử học, 1960, tr. 191.

phong kiến hết sức chú trọng. Việc tổ chức lễ thể được tiến hành rất nghiêm ngặt, mang tính bắt buộc. Đó là nghi lễ của triều đình, của quốc gia. Nhà nước phong kiến luôn coi nghi lễ “trong đạo trị nước, lễ là cần hơn cả. Lễ để nhận rõ phân hiềm nghi, soi sáng chỗ vi ẩn, chia ra được người trên kẻ dưới, tỏ rõ vật nọ, phẩm kia... diễn lễ thời cổ thật là sâu kín, tinh vi.

Lễ thể được cấu thành từ 3 yếu tố cơ bản:

1- Đối tượng thể: phải là con người, giữa hai hay nhiều người với nhau, một nhóm hay nhiều nhóm người (giữa hai hay nhiều bên đối tượng khác nhau) có nhu cầu cần giao ước với nhau.

2- Nội dung lời thể: được thể hiện bằng lời nói hay cụ thể bằng văn bản. Nội dung lời thể chính là toàn bộ những yêu cầu mang tính bắt buộc thực hiện của các đối tượng thể. Cũng có khi lễ thể có nội dung áp đặt của một phía đối với các bên còn lại (thường là của kẻ mạnh hơn bắt các bên khác yếu hơn phải tuân theo). Nhưng có khi nội dung lời thể là sự thoả thuận, giao ước có tính ngang bằng nhau giữa các bên. Bên cạnh những nội dung trên, lời thể thường kèm theo lời hứa thực hiện được đảm bảo bằng tính mạng của người tham dự trước thánh thần.

3- Đối tượng minh chứng (có thể là người, vật hoặc thần thánh). Nhưng dù là người hay là vật thì cũng phải có yếu tố thiêng hóa (thần thánh hóa). Sự xuất hiện của đối tượng minh chứng trong lời thể, nghĩa là khi các bên dự thể thấy cần phải có sự ràng buộc nhau và lời thể cần được coi trọng, và bằng cách đó, người ta đã thiêng hóa lời thể, thông qua sự xuất hiện của thần thánh.

Ba yếu tố trên hợp thành lễ thể. Tuy nhiên đôi khi trong cuộc sống chúng ta thấy Thể vẫn xuất hiện mà không có đối tượng minh chứng. Khi đó người ta không coi là lễ thể mà chỉ là hành động thể. Từ hành động thể chuyển sang lễ hội thể, nhất định phải có yếu tố thần linh minh chứng. Nói cách khác, chỉ có đối tượng minh chứng là thần thì mới hình thành lễ thể.

Trong lễ thể có một số nghi thức bắt buộc. Để tiến hành nghi lễ thể phải có không gian trang nghiêm, tức không gian thiêng. Tới đây sẽ cần đàn lễ, đồ lễ (lễ vật). Một số hành vi lễ thể mà con người hay sử dụng là hành vi mang tính hiến sinh như việc giết thịt súc vật để dâng lễ. Cũng có khi hành vi thể mang tính Saman giáo như việc cắt máu, uống máu ăn thể. Sách *Hoài Nam tử* viết: “Người Việt dùng dao cửa vào tay để tỏ lòng tin. Người Hán lấy máu súc vật bôi môi hoặc uống để tỏ lòng tin”.

Nếu tìm xuất xứ hoặc nghiên cứu lịch sử, chúng ta biết tục thể xuất hiện từ thời cổ đại. Trong đó có thể cá nhân thể trước tập thể, chẳng hạn như thủ lĩnh thể trước bộ lạc, hoặc cũng có khi cộng đồng này thể trước cộng đồng kia (2 bộ lạc thể với nhau) trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung.

Ở Việt Nam, tục thể, lễ thể cũng xuất hiện sớm. Trong các truyền thuyết hay cổ tích như Bánh chưng, Bánh dày, Cóc kiện Trời, Cây tre trăm đốt, v.v... mang bóng dáng của thể dù đó chỉ là những giao kèo, cam kết nhưng rõ ràng có tính ràng buộc và nghiêm túc. Vả chăng, ở những dân chứng vừa nêu đã có yếu tố thần linh, tính thiêng.

Tục thể là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, chưa khẳng định được thời điểm ra đời. Chỉ biết đó vừa là một hình thức và cũng là một biểu hiện sinh động của tục lệ dân gian từng trải qua biến đổi trong lịch sử phát triển xã hội người Việt. Có lẽ khi trình độ kinh tế - xã hội của người Việt chưa phát triển thì việc duy trì tục thể chủ yếu là do thời gian lâu dần thành phong tục.

Lễ thể đầu tiên được truyền thuyết lưu giữ là lễ thể truyền ngôi của Hùng Vương cho An Dương Vương. Cột đá thể, chứng tích của lễ thể, tượng trưng cho việc truyền ngôi báu, hiện nay được thờ ở đền Thượng, khu di tích đền Hùng thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

Trong lịch sử dân tộc, lễ thể ở tầm quốc gia tuy không nhiều nhưng khá tiêu biểu.

+ Lễ thể ở Hát Môn của Hai Bà Trưng, thế kỉ I

Năm 40, trước lúc xuất quân, Hai Bà Trưng đã tổ chức lễ thể cùng quân sĩ, nguyện “trả nợ nước, rửa thù nhà”. Thay chồng gánh vác việc công, bà Trưng Trắc cùng em đã lãnh đạo nhân dân 65 huyện, thành khởi nghĩa cứu nước và rửa thù nhà.

Lễ thể khẳng định ý chí quyết chiến của hai Bà trước sứ mệnh lịch sử của dân tộc.

“Một xin rửa sạch quốc thù

Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba khởi oan ức lòng chồng

Bốn xin trọn vẹn sở công lênh này”.

+ Hội lễ Lũng Nhai, thế kỉ XV

Lê Lợi (1385 – 1433) là hào trưởng có uy tín lớn ở vùng Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa. Vì giận quân giặc tàn bạo

lấn hiếp dân chúng nên ông chuyên tâm đọc sách thao lược, dốc hết tài sản, hậu đãi tân khách.

Đến năm 1416, tại Lũng Nhai, gần Lam Sơn, Lê Lợi cùng 17 người bạn chiến đấu thân cận nhất làm lễ kết nghĩa anh em, nguyện một lòng đánh giặc cứu nước. Cả gia đình Lê Lợi, hai bên nội ngoại, đều tham gia vào lễ thể cứu nước này.

Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hân, những nhân tài đầy nhiệt huyết, nghe tin, đã từ Thăng Long lặn lội vào cộng sự với thủ lĩnh Lê Lợi.

Vào sáng ngày 1 tháng 2 năm Bính Thân (1416), tại thao trường Lũng Nhai, một bàn thờ thiên địa được dựng trên đàn cao. Bốn ngàn quân sĩ đồng phục, vũ khí trong tay uy nghi, hướng về lễ đài. Dân chúng kéo tới rất đông chứng kiến lễ thể. Lê Lợi cùng 17 nghĩa sĩ đã được hội quần anh cử ra thay mặt nghĩa quân chính thức bước lên đàn xã tắc.

Lê Lợi tuyên đọc lời thể với nội dung kể tội ác của giặc ngoại xâm và lòng hận thù của dân tộc ta đối với kẻ thù. Hội thể Lũng Nhai cũng như Hội thể Hát Môn đều đã diễn ra khi chuẩn bị tiến hành cuộc khởi nghĩa. Mục đích của hội thể là tập hợp những người cùng chí hướng, tuyệt đối tin nhau, một lòng một dạ nên đã tạo sức mạnh phi thường có thể chiến thắng kẻ thù.

+ Hội thể Đông Quan (1427)

Sau khi thất bại ở Tốt Động, Chúc Động (vùng Chương Mỹ, Hà Đông cũ) 7/11/1426) quân Minh do Vương Thông cầm đầu rút về cố thủ ở Đông Quan (Hà Nội) chờ viện binh tới. Nhưng quân chi viện do Liễu Thăng chỉ huy đã bị thất bại. Liễu Thăng tử trận, Mộc Thạnh nghe tin

liên quay về. Vương Thông đã phải nhận lời cầu hòa với nghĩa quân Lam Sơn.

Lễ thể được tổ chức ở thành Đông Quan vào ngày 16 tháng 12 năm 1427. Tham dự lễ này, về phía nghĩa quân Lam Sơn, có Bình Định vương Lê Lợi cùng một số tướng lĩnh nổi tiếng như Trần Nguyên Hân, Lâu Nhân Chú, Trịnh Khả, v.v... Bên quân Minh có Vương Thông cùng các tùy tùng là Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, v.v...

Hội thể Đông Quan khác hội thể Lũng Nhai cũng như bất cứ hội thể nào, ở chỗ đã diễn ra khi quân ta chiến thắng kẻ thù. Hội thể Đông Quan tương tự như một lễ kí hiệp định hòa bình chấm dứt chiến tranh. Hai bên tham gia đại diện cho 2 lực lượng đối lập nhau về mọi mặt.

Một bên là người chiến thắng, đề ra yêu cầu buộc bên kia phải thực hiện.

Một bên là kẻ chiến bại phải chấp nhận mọi yêu cầu do đối phương đề ra.

Nhưng dù là áp đặt hay miễn cưỡng thì 2 bên cũng có cùng mục đích là chấm dứt chiến tranh, chuyển sang cùng tồn tại hòa bình. Và đây cũng trở thành một quốc sách sáng tạo của ta để kẻ thù đã bẽ mặt, khi kéo tàn quân về nước.

Về lễ thể dân gian, một số nơi xưa cũng tổ chức lễ thể định kì hàng năm.

+ Lễ minh thệ ở xã Hoà Đình - Bắc Ninh

Vào ngày 10 tháng Giêng, làng tổ chức lễ minh thệ (uống máu ăn thề) cho trai đinh từ 18 tuổi tới cụ thượng. Ngày ấy nếu ai vắng mặt mà không có coi trâu xin làng thì sẽ bị phạt vạ.

Nửa đêm mồng 9, làng làm lễ thỉnh trong đình: Đèn nến sáng trưng, khói

hương ngào ngạt. Chừng 3 giờ sáng, 4 ông trong 3 bàn chấp chính làm lễ. Một ông quỳ trước, 3 ông quỳ hàng ngang ở phía sau, làm lễ đọc văn tế. Xong phần lễ này, người ta làm lễ cắt tiết gà hòa vào rượu do Thủ chỉ và Lí trưởng làm.

Mọi người lần lượt vào lễ thần.

Ba bàn chấp chính gồm 18 vị chọn trong lứa tuổi 17 - 19, nắm mọi quyền chấp chính trong dân, tục gọi là con trưởng của dân vào thề. Tiếp đến là tòa cố lão, từ tuổi cao nhất xuống đến 50 vào thề.

Lời thề "Tôi nguyện hoàng thiên hậu thổ cấp chư linh thần, tham vi đại vương người giáng đàn. Tôi Nguyễn Văn Mỗ niên sinh... tuổi, tôi ở ngay làng Tam vị đại vương, người phù hộ. Hoặc tôi làm ăn chẳng nên, trộm cắp con trâu, con bò, thanh bông hoa quả, tri ngư đảng vật. Nếu tôi có thể, xin uống chén rượu này, thề 3 vị đại vương, ngài vật chết".

Lễ hội thể ở Trung Liệt, Đồng Quang, Từ Sơn, Bắc Ninh

Khoán ước trong tục uống máu ăn thề gồm 6 điều:

- 1- Người nào bỏ thuốc độc xuống giếng xin đại vương đánh chết.
- 2- Người nào chặt trộm gỗ trong làng, xin đại vương đánh chết.
- 3- Người nào lấy đồ vật ở Văn Chỉ, đình, đền, chùa mang đi nơi khác, xin đại vương đánh chết.
- 4- Người nào lấy trộm hoặc mang đi nơi khác của cải, khí vật, gia súc, xin đại vương đánh chết.
- 5- Ruộng công tư đều có thể khai, có thể giữ thì giữ. Người nào tự ý khai giữ hoặc khoét bờ, lấn ruộng, xin đại vương đánh chết.

6- Xã lấy đồng làm nghề, kẻ nào nấu trộm và dạy nghề cho người ngoài, xin đại vương đánh chết.

Xin thể!

Lễ hội minh thể làng Hòa Liễu, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng

Là một làng cổ, Hòa Liễu hàng năm theo thông lệ từ 13 đến 15 tháng Giêng, dân làng cùng các chức sắc đứng ra tổ chức lễ thể tại gò đất của miếu thờ gọi là đàn thể. Trên gò đất vẽ một vòng tròn tượng trưng cho đàn thể (thờ vị thành hoàng làng và Thái hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Ngọc Toàn. Như vậy đàn thể có sự chứng giám của Trời Đất cùng với các đấng linh thiêng mà người làng tôn thờ).

Lễ vật dân làng kính cẩn dâng lên ngoài trầu cau hương nến, bao giờ cũng có con gà trống trắng non tơ, chân vàng cùng vô rượu lớn phủ vải đỏ bày phía trước. Trên bàn có cốc chén để uống.

Đầu tiên, ông chủ lễ trang trọng bước lên gò đất - đàn thể - bước vào vòng tròn. Ông nhận con dao do người phụ lễ dâng lên. Ông chấp hai tay kẹp con dao hướng lưỡi lên trời, xướng "Mọi người trong làng phải sống ngay thẳng, trung thực với nhau, xưa sao nay vậy - Xin thể!". Các vị chức sắc, bô lão, trong lễ phục cùng dân làng xướng to "Y như minh thể!".

Những hội thể vừa nêu trên dù ở cấp làng xã hay cấp quốc gia, chưa thể gọi là đủ, song cho thấy một điều rõ ràng rằng lời thể, lễ thể đã là một trong những vũ khí sắc bén, tạo nên một nếp sống trong sáng, khiến con người luôn lấy đó làm điều răn mình.

Tuy nhiên, không thể không nhắc đến một sự kiện lịch sử quan trọng, để thấy

rõ nguồn gốc của lễ thể đền Đồng Cổ, sẽ là nội dung chính của bài viết này.

Năm 1020, Thái tử Lý Thái Tông lĩnh mệnh vua cha đem quân đi đánh Chiêm Thành. Đến Trường Châu đóng quân tạm nghỉ. Canh ba đêm ấy, trong còi mông lung, nhà vua chợt thấy một dị nhân, thân cao 9 thước, mày râu cứng nhọn, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, cưỡi đầu trâu rằng: "Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin Thái tử đi đánh phương Nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập chút công nhỏ. Hôm sau, Thái tử tiến quân đánh Chiêm, quả nhiên quân ta đại thắng. Quay về Trường Châu dâng lễ tạ, rồi rước thần về kinh đô, để giữ nước hộ dân"⁽²⁾.

Năm 1028, Thái Tổ mất, Thái Tông nối ngôi, tức vua Lý Thái Tông. Một đêm, thần đến báo "3 vị vương em vua - Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh - mưu phản, xin nhà vua đề phòng"⁽²⁾. Tướng quân Lê Phụng Hiểu đã giết Vũ Đức Vương, 2 vương kia trốn thoát, sau đầu thú xin về, được Lý Thái Tông rộng lượng tha cho.

Vì sự phản nghịch ấy, vua Lý Thái Tông đặt lệ hàng năm các quan phải đến đền Đồng Cổ (làng Yên Thái, phường Bưởi, quận Tây Hồ) làm lễ thể.

Lễ hội Đồng Cổ là một lễ hội tiêu biểu độc đáo, vốn là nghi thức cung đình mang tính quốc gia và được ghi trong sách điển lễ, trong chính sử. Như vậy, hội thể đền Đồng Cổ bắt đầu có từ thời Lý.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi lễ thể đền Đồng Cổ trong phần lễ nghi chí như sau: "Lý Thái Tông năm Thiên Thành thứ nhất (1028), mùa xuân, tháng 2, làm lễ minh thể ở đền thờ Đồng

2. Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, 1972, tr. 83.

Cổ. Lập đàn thể trong miếu, đọc lời thể trước thần rằng “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung thì thần minh giết chết” (Vi tử bất hiếu, vi thần bất trung, thần minh cực chi). Các quan từ cửa đông vào uống máu ăn thể. Bắt đầu từ ngày 25 tháng ấy.

Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 3 (1227) đọc những điều minh thệ và giữ lễ như thời Lý. Nhưng hằng năm, lấy ngày 4 tháng Tư (tranh quốc kị nhà Lý) quan tể tướng cùng văn võ bá quan, từ gà gáy đến ngoài cửa thành, tờ mờ sáng vào chầu, vua ngự ra cửa Hữu Lang của điện Đại Minh, các quan mặc lễ phục lạy hai lạy, lui ra rồi sắp đội ngũ, nghi trượng và quân hầu đi ra cửa Tây, đến đền thờ thần Đồng Cổ họp nhau uống máu cùng thể. Quan trung thư kiểm chính đọc lời thể rằng “làm tôi hết lòng trung, làm quan thanh bạch, không giữ lời thể thần minh chu diệt” (vi thần tận trung, vi quan thanh bạch, hữu thân thử minh, thần minh cực chi). Đọc xong quan tể tướng đóng cửa lại để kiểm điểm người, ai vắng mặt phạt 5 quan tiền. Hôm ấy trai gái, già trẻ, nô nức đi xem đứng kín hết lối vào, vì ai ai cũng đều coi là việc lớn”.

Lê Thái Tông năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), mùa xuân, sau ngày rằm tháng Giêng, vua ngự ra trường đua xem bọn đại thần Lê Sát và các quan văn võ trong ngoài tế cáo Trời Đất thần kì, thần núi cao sông lớn, giết ngựa trắng uống máu cùng thể.

Đại Việt sử ký toàn thư ghi “Đắp đàn ở trong miếu, cấm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gương giáo ở trước thần vị, đọc lời thể”.

Thông qua một số tài liệu trên, chúng ta thấy rõ tầm quốc gia của lễ thể đền Đồng Cổ. Lễ thể này được triều

đình tổ chức thường niên, nghi lễ mang tính bắt buộc, được ghi chép như những lễ tế Nam giao, tế Xã tắc của nhà nước phong kiến.

Đền Đồng Cổ làng Đông Xã, phường Bưởi, quận Tây Hồ

Đền Đồng Cổ được gọi theo tên vị thần trong di tích là Thần Đồng Cổ. Đền Đồng Cổ ngày nay thuộc địa phận cụm 4, khối 73, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội. Theo truyền thuyết, vị thần Đồng Cổ đã góp công trấn giữ mặt tây thành Thăng Long và luôn có mặt trong công trình trị thủy khó khăn từng thời kì của nhân dân Thăng Long thời ấy.

Từ trung tâm bưu điện Bờ Hồ, đi theo đường Tràng Thi, qua đường Điện Biên Phủ, Hùng Vương rồi theo đường Thụy Khuê, đi thẳng lên nữa sẽ gặp di tích bên tay phải ở số nhà 353.

Phường Bưởi xưa thuộc vùng đất cổ gồm các làng Hồ Khẩu, Đông Xã, An Thái, An Thọ, Trích Sài và Vông Thị. Nhiều hiện vật cổ đã được khai quật ở quanh vùng Bưởi: rìu đá ở Quần Ngựa, mũi giáo đồng ở ven Hồ Tây, đặc biệt trống đồng loại I nằm sâu tới 2m ở vùng Ngọc Hà, v.v... Tất cả góp phần minh chứng cho vùng này xưa đã có người sinh sống mà kinh tế trong vùng đã ở trình độ phát triển.

Phường Bưởi có một cảnh quan nổi tiếng là Hồ Tây. Quanh hồ có nhiều danh lam như chùa Bà Già, chùa Kim Liên, chùa Thiên Niên, chùa Trấn Quốc. Đình có đình Yên Phụ, đình Quán La. Đền có đền Đồng Cổ, đền Kim Ngưu và thêm quán Trấn Vũ Chùa thờ Phật, đình, đền thờ thần thánh, quán của Đạo giáo thờ Lão quân.

Phường Bưởi có nhiều người đỗ đạt như ông Nguyễn Thạc Dung ở làng An Thái đỗ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Canh Tuất (1640). Ngoài ra còn có 4 người thi đỗ tiến sĩ từ đời Lê đến đời Nguyễn, 14 người đỗ cử nhân và nhiều vị làm quan trong triều như Lý Văn Phúc, Lý Văn Hảo.

Nhân dân phường Bưởi với lòng yêu nước, với trí tuệ và tài năng, lại là cư dân lâu đời ở Thăng Long – Hà Nội đang bước vào thời kì mới với vị trí đẹp, chứa đựng nhiều tiềm năng có thể khai thác với nhiều hiệu quả. Làng chỉ có ít đất thổ cư và bãi bên bờ sông Tô. Dân làng Đông Xã thuộc cụm 4 phường Bưởi là cộng đồng dân cư gồm hơn 600 hộ, 11 tổ dân phố là con cháu của các dòng họ lớn như họ Nguyễn, họ Đào, Lê, Hàn, Hứa... Các họ này đã có công lớn trong việc phát triển làng.

Dân làng Đông Xã sống chủ yếu bằng nghề thủ công, đó là nghề làm giấy, đặc biệt là giấy dó đã có từ thời Lý (thế kỉ XII) do ông Thái Luân từ Trung Quốc truyền cho.

Như các làng quê khác ở vùng Bắc Bộ, làng Đông Xã cũng có thiết chế tín ngưỡng phong phú. Ngoài ngôi đền Đông Cổ, nơi đây còn nhiều chùa, đình như đã giới thiệu.

Kiến trúc đền Đông Cổ làng Đông Xã

Di tích đền Đông Cổ ngày nay nằm trên khu đất cao. Mặt trước trông ra sông Tô Lịch. Một số tài liệu cho biết đền được xây dựng từ năm 1028 dưới thời Lý Thái Tông. Sách *Việt điện u linh* ghi “Bên hữu Đại Nội, phía sau chùa Thánh Thọ, ban đầu đền chỉ là ngôi miếu nhỏ trải qua các thời kì lịch sử sau này mới được xây

dựng thêm thành đền”. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết “Xây đền ở giữa miếu” (trang 34). Sách *Danh tích Tây Hồ* lại cho rằng “Trước đền đắp một đàn cao, xung quanh cờ xí rợp trời”. Qua đó, ta thấy khi xưa quy mô của đền Đông Cổ không phải là nhỏ.

Tam quan của đền xây theo lối tam quan trụ. Hai trụ cửa chính cao chừng 5m, trên có đắp hình trái giành cách điệu rồng, phượng cuốn. Hai mặt trước và sau cửa chính Tam quan có đắp câu đối với nội dung nói lên công đức và uy linh của đức Thánh Đồng Cổ đối với quốc gia và địa phương. Hai bên cửa Tam quan đắp hai con rồng bằng vôi vữa xi măng. Giữa cửa chính Tam quan đặt một cái đỉnh bằng xi măng cao chừng 1m6 để khách thập phương đến lễ đền thắp hương.

Qua Tam quan là sân đền, gạch lát vẫn còn tốt. Hai bên trước sân trước là tả mạc, hữu mạc, nay chỉ còn một bên là nơi ở và công trình phụ của ông từ trông nom đền. Qua sân lên bậc gạch là khu vực chính của khu di tích gồm tiền tế, trung tế và hậu cung.

Tiền tế: Trước, đây là nơi chức sắc hàng tổng, hàng xã hội họp, nay là nơi hội họp và tiếp khách của Ban phụ lão và Ban bảo vệ di tích.

Trên 2 cột trụ gian giữa là bức hoành phi đề 4 đại tự “Đồng Cổ linh từ”. Hai bên cửa phụ thông với gian trung tế có 2 câu đối ghi lại nguồn gốc của đền (vốn ở núi Đồng Cổ - Thanh Hóa) là địa điểm hiển thánh, thờ tự hiện nay của đền.

Trung tế: Là ngôi nhà 3 gian xây theo kiểu tường hồi bít đốc đơn giản. Hệ thống kèo xà bên trong không chạm khắc gì. Ở bức ván bưng chính giữa có

bức hoành phi với 4 đại tự “Thiên cổ linh từ”. Phía dưới là cửa vồng còn mới. Chính giữa trung tế có đặt một hương án trên có 3 bài vị thờ.

Hậu cung: Xây đơn giản, trong có 1 chiếc kiệu như chiếc hòm, trên đặt 2 bộ ngai thờ đẹp.

Nhìn chung, kiến trúc của đền Đồng Cổ rất đơn sơ và nhỏ, do trước nó vốn là ngôi miếu xây cất thêm lên. Giá trị đích thực không phải ở kiến trúc mà ở nội dung lịch sử của nó.

Các hiện vật trong di tích

Hiện vật không còn nhiều và không đặc sắc, song thông qua các bản sắc phong còn lưu được cho thấy nhà nước phong kiến từ thế kỉ XVIII mới lưu ý đến đền này.

Tất cả có 14 đạo sắc phong:

- 1- Cảnh Hưng năm thứ hai (1741)
- 2- Cảnh Hưng năm thứ hai (1741)
- 3- Cảnh Hưng năm thứ tư (1743)
- 4- Chiêu Thống nguyên niên (1787)
- 5- Chiêu Thống nguyên niên (1787)
- 6- Quang Trung năm thứ ba (1790)
- 7- Quang Trung năm thứ ba (1790)
- 8- Cảnh Thịnh nguyên niên (1893)
- 9- Cảnh Thịnh nguyên niên (1893)
- 10- Thiệu Trị năm thứ chín (1849)
- 11- Thiệu Trị năm thứ chín (1849)
- 12- Tự Đức năm thứ 18 (1855)
- 13- Tự Đức năm thứ 18 (1855)
- 14- Khải Định năm thứ chín (1924)

Các đạo sắc phong số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 đều phong cho vị thần có tên tự là “Quý Minh đại vương” và “Bảo

Hựu đại vương”. Đây là hai vị thành hoàng của làng Đông Xã.

Còn hai đạo sắc phong thứ 3 và 14 phong thần là Bản thổ tôn thần tức là Thành hoàng của làng.

Hiện vật trong di tích còn một khám thờ gỗ mặt trước có kính, bên trong đặt 3 long ngai bài vị, bên ngoài khám thờ có bức chạm trổ hình rồng, đây là bức chạm mới khá đẹp.

Một bộ đồ thờ bằng đồng, 1 đôi hạc đồng và 1 đôi trống đồng nhỏ.

Một đôi câu đối gỗ.

Một bức cửa vồng chạm bong hình lưỡng long châu nguyệt.

Ba ngai thờ (hai cửa đình, một cửa đền).

Hai biểu lệnh gỗ.

Do đền còn mới (được xây lại năm 1952) lại xây trong hoàn cảnh chiến tranh nên nhìn một cách tổng thể về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thì di tích không có gì mới, thậm chí có thể nói là nghèo nàn về đề tài và đơn điệu về nội dung.

Tuy nhiên, do nằm sát phía bắc thành Thăng Long cũ, bên Hồ Tây và sông Tô đơm màu huyền thoại cùng bao trùm không khí lịch sử nên du khách nếu được giới thiệu đầy đủ về giá trị lịch sử thì cũng thấy xúc động trước quang cảnh này.

Nơi đây đánh dấu giới hạn của kinh thành Thăng Long thời Lý, là nguồn tài liệu phong phú cần được khai thác thêm và nghiên cứu sâu hơn.

Đền Đồng Cổ vẫn có ý nghĩa quan trọng của Thủ Đô vào thời Lý. Do nhận thức rõ điều đó nên tháng 11/2008 ngôi

đền đã được hưng công, xây dựng mới. Công trình đã hoàn thành vào năm 2010 đúng dịp Thủ đô Thăng Long - Hà Nội kỉ niệm nghìn năm tuổi.

Lai lịch thần Đồng Cổ

Thần tích ghi chép đền Đồng Cổ mà ngày nay chúng ta biết được là do Đông Các đại học sĩ Nguyễn Bỉnh biên soạn năm 1572, thời vua Lê Anh Tông. Văn bản này ra đời khi lai lịch thần được nhắc đến trong các tài liệu trước đó như *Việt điện u linh*. So sánh nội dung trong các tài liệu này có thể khẳng định thần tích đền Đồng Cổ chép gần như nguyên vẹn sự tích thần từ các tài liệu có trước.

Thần đền Đồng Cổ ở Đông Xã cũng chính là vị thần được thờ tại các di tích đền Đồng Cổ nêu trên. Sách *Việt điện u linh* do Lý Tế Xuyên soạn năm 1329 vốn được tác giả tập hợp chỉnh lí từ các truyện dân gian đã có. Nội dung sách cho biết “Thần Đồng Cổ được xếp trong phần các thần thuộc hào khí anh linh có ảnh hưởng sâu xa đến đời sống dương gian. Sách viết “Theo chuyện Báo Cực vương là thần núi Đồng Cổ ở Thanh Hóa tục gọi là núi Khả Phong”.

Khi xưa Lý Thái Tông còn là Thái tử phụng mạng vua cha là Thái Tổ đem binh đi đánh giặc Chiêm Thành (1020) đến Trường Châu đóng quân tạm nghỉ ngơi lấy sức. Canh ba đêm ấy trong cõi mộng lung, Thái tử thấy một dị nhân thân cao 8 thước, mắt sáng, râu rậm, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, đến trước Thái tử cúi đầu mà tâu rằng “Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin Thái tử sang đánh phương Nam, tôi xin được theo giúp để phá giặc lập công”. Thái tử vỗ tay khen ngợi và cũng tỉnh dậy luôn. Hôm sau tiến

quân đến đất Chiêm, dàn binh đánh trận đầu, quả nhiên quân ta thắng.

Khi Khải hoàn qua đất Trường Châu, Thái tử hạ lệnh dừng binh cho sửa sang lễ vật và xin được rước thần về kinh đô để giữ nước hộ dân. Còn đang băn khoăn không biết chọn nơi nào để xây đền cho được tốt lành thì ngay đêm ấy Thái tử được thần nhân báo mộng “xin lập ở bên hữu, trong đại thành, sau chùa Thánh Thọ” với lí do “đất ấy tinh khiết nhìn xem hùng tráng, xét cho tường duyên có là bởi vì đã có sẵn nhân duyên cũ vậy”. Thái tử theo lời, cho hưng công xây dựng, không bao lâu đền dựng xong.

Khi vua Thái Tổ mất (1028), Thái tử lên ngôi, tức vua Lý Thái Tông, một đêm lại thấy thần báo mộng “Ba vị vương em vua mưu làm phản, định đem quân đến. Xin nhà vua nên kịp đề phòng”. Vua thức dậy còn chưa tin. Đến sáng mới thấy việc xảy ra như lời thần báo. Vua lấy làm lạ, phong thần là “Thiên hạ minh chủ”, gia tước đại vương. Đến năm thứ tư gia phong 2 chữ “Chiêu cảm”; năm Hưng Long 21 gia phong 2 chữ “Bảo Hữu” nên duệ hiệu của thần Đồng Cổ là:

“Minh chủ linh ứng, Chiêu cảm, Bảo hộ đại vương”.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng ghi chép về các thông tin tương tự trên.

Như vậy, qua một số tài liệu vừa kể, chúng ta thấy thần đền Đồng Cổ được nhà nước phong kiến rất coi trọng. Loại bỏ các yếu tố hoang đường trong tiểu sử thần, ta thấy thần Đồng Cổ liên quan đến việc lên ngôi của Lý Thái Tông năm 1028. Vụ 3 vương làm phản là một sự kiện lịch sử có thật. Phải sau sự kiện này mới tiến

hành nghi lễ thể. Vụ nổi loạn được dẹp yên phản ánh tình hình xã hội Việt Nam từ chế độ phong kiến phân quyền sang chế độ tập quyền.

Lễ hội thể đền Đồng Cổ

Lễ hội đền Đồng Cổ là một nghi lễ độc đáo, vốn là lễ thức cung đình mang tính quốc gia và được ghi trong sách điển lễ của chính sử ở nước ta. Có thể khẳng định lễ hội thể đền Đồng Cổ có từ thời Lý, thông qua sử sách để lại. Tuy nhiên, do thăng trầm của lịch sử, tài liệu không thể còn đầy đủ cho nên tính xác thực không thể cao được.

Ngày nay, hội thể đền Đồng Cổ về cơ bản giống như một hội làng, một lễ hội dân gian thông thường, tuy vẫn giữ tục thể song đã giản lược nhiều, chỉ còn là vang bóng của lịch sử.

Mặc dù vậy, nhân dân làng Đông Xã vẫn coi thần Đồng Cổ là vị thần thiêng liêng. Họ rất mực tôn sùng nên người dân vẫn thành kính khói hương, nhất là trong đời sống bất chợt xảy ra sự tranh chấp nào đó liên quan tới việc thể nguyện.

Hội thể đã thành ngày hội truyền thống của làng. Song do chiến tranh, thời gian phân pha, hội thể như đã bị lãng quên một thời gian dài.

Năm 1988 là lễ kỷ niệm 960 năm hội thể “Trung hiếu” đã do UBND quận đứng ra tổ chức nhân dân đã hưởng ứng nhiệt liệt sau nhiều năm trầm lắng.

Năm 1993, đền Đồng Cổ - Đông Xã được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa nhân kỷ niệm 965 năm hội thể. Hội vào đám trong niềm hân hoan chào đón và chờ đợi của nhân dân không

chỉ xem hội mà còn dự lễ rước bằng công nhận di tích.

Hội thể đền Đồng Cổ ngày nay diễn ra vào hai ngày, 3 và 4 tháng Tư âm lịch. Vào năm chẵn hội sẽ được tổ chức với quy mô lớn hơn về mặt tổ chức, và UBND quận sẽ đảm nhận.

Hội vẫn mang mục đích cao cả với nội dung răn dạy đạo đức các thế hệ con cháu một nếp sống văn minh, tạo cho các mối quan hệ xã hội ngày một hài hòa hơn.

Cho nên, vào dịp làng mở đám, đường làng ngõ xóm đều sạch sẽ, phong quang, cả làng từ cụ già tới em nhỏ, nam nữ đều trang phục nghiêm túc. Mọi người đi lại, nói năng trong cuộc giao tiếp đều thấy lễ hã.

Người ta hi vọng đây là cơ hội tốt được giao tiếp với thần linh, có dịp được giải bày những ước nguyện riêng tư để cầu thần phù hộ.

Hội thể đền Đồng Cổ không chỉ dân địa phương chờ đón mà sức hút của hội còn làm cho dân các quận, huyện nội ngoại thành Hà Nội cũng đổ về tham dự.

Hội sẽ có đám rước thần từ đền về đình (Phụng nghênh hồi đình) và ngược lại (hoàn cung).

Vào năm lẻ, hội mở nhỏ hơn song nội dung thiêng và tính nghiêm túc vẫn phải đảm bảo.

Trình tự lễ hội

Ngày 3 tháng Tư mọi việc đều phải hoàn tất. Chiều mùng 3 có lễ phát tấu - lễ do thầy cúng và pháp sư thực hiện, lễ cáo yết thần linh, lễ lục cúng (hương, hoa, trà, quả...) diễn ra tại đình.

Nhân dân tới dâng hương.

Sáng mồng 4 – chính lễ - mở đầu bằng lễ rước 2 vị thành hoàng từ đền về đình. Dẫn đầu là đội cờ ngũ sắc, trống, chiêng. Rồi đội múa sênh tiền, đội bát âm, kiệu long đình, kiệu bát cống.

Tiếp, là quả lễ của chùa Mật Dung do vị sư chủ trì dẫn đầu vào dâng lễ, quả lễ của dân làng do đội tế nam dâng, tới UBND quận Tây Hồ, Hội Cựu chiến binh Đông Xã, Câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tiếp, là quả lễ của các dòng họ trong làng như họ Nguyễn, họ Trần, họ Lê, họ Hứa, v.v... Những mâm lễ vật đủ màu sắc gồm xôi, thịt, hoa quả bánh trái được chuẩn bị chu đáo để dâng lên thánh thần với lòng thành kính cầu mong thánh thần ban cho dân thôn bản hạt được khoẻ mạnh, bình an, hạnh phúc.

Khi các đoàn dẫn lễ đã xong, tất cả tập trung tại sân đền để làm lễ tế.

Các ban, ngành đoàn thể tham dự xếp thành 10 hàng trên sân đền.

Ban tổ chức đọc lời khai mạc lễ hội, giới thiệu các đại biểu tham dự.

Tiếp, một uỷ viên ban tổ chức đọc lịch sử ngôi đền. Rồi đến phần dâng hương.

Có 4 vị đại diện cơ quan, đại biểu dân làng chuẩn bị lễ tế.

Dâng hương xong, người dẫn chương trình tuyên bố giờ phút thiêng liêng của lễ tế sắp đến. Nhạc, trống, chiêng nổi lên âm vang. Mọi người đứng nghiêm nghe lời tế:

“Làm con bất hiếu

Làm tôi bất trung

Thần minh tru diệt”.

Tất cả mọi người giơ tay cao, miệng đồng thanh: “Xin thề! Xin thề! Xin thề”.

Đại biểu tham dự lễ phát biểu.

Quý khách thập phương và nhân dân hành lễ.

Chiều ngày mồng 4 làm lễ tế tạ, sau đó rước kiệu 2 vị thành hoàng từ đền về đình làm lễ tế an vị.

Kết thúc lễ hội.

Ngày nay lễ hội đền Đồng Cổ không mang tính quốc lễ như xưa. Tuy nhiên trong tâm thức của người dân địa phương cũng như người Hà Nội nói chung thì đền Đồng Cổ vẫn là nơi chứa đựng các giá trị tâm linh có sức tỏa lan rất rộng. Người dân sở tại rất tin vào sự hiển linh của vị thần Đồng Cổ (Minh chủ đại vương). Điều này thể hiện qua các cuộc trò chuyện, qua thái độ nghiêm túc trong lúc dự lễ hoặc lúc dâng hương là rất rõ ràng.

Sau giờ phút thiêng liêng nhất là tế lễ, dâng rượu thì song song với việc nhân dân dâng hương, tại đền, ngoài sân cỏ quanh đền, đã diễn ra nhiều trò chơi dân gian vui vẻ, hấp dẫn. Người ta vui chơi hết mình, đền bù cho bao ngày tháng lao động vất vả và cùng những lo toan trong cuộc sống. Cuộc chơi thực sự phóng khoáng bởi không ai bị ràng buộc bởi nghi thức tôn giáo, đẳng cấp và tuổi tác.

Đây là những trò thi tài quen thuộc, thoải mái, làm cho ai cũng muốn thử sức như trò đập niêu, đi cầu cạn, v.v...

Rồi thanh niên nam nữ tụ hội từng nhóm, từng nhóm cùng hát ca trù, quan họ, hay hát những ca khúc mới. Các bậc trung niên có thể ngâm thơ, đánh cờ. Những người có gà chọi mang gà ra thi tài. Gà chọi là cuộc thi tài được rất nhiều người yêu thích. Người ta còn kí cược bằng tiền, tuy không nhiều nhưng có thể

mới hấp dẫn. Chơi gà chọi cũng là nếp sống của một số người dân Đông Xã. Chọi gà diễn ra vào buổi chiều. Ngoài hai chủ gà chọi còn cần có trọng tài và cuộc chơi diễn ra ở “trường gà”. Khi có thông báo, hai chủ gà sẽ lấy số ôm gà vào sới và thả gà ra khi có trống lệnh. Cuộc phân thắng bại giữa hai gà chọi phải qua 9 hồ. Khi vào cuộc, có khi ngay hồ đầu đã có kết quả. Nếu thua trong trường hợp tự bỏ cuộc thì gọi là “kì tử”. Nếu chủ gà thấy gà mình yếu kém thì có thể xin trọng tài cho dừng trận đấu.

Chọi gà là một trò chơi vừa để giải trí, lại kích thích tinh thần thượng võ – bởi những miếng đá của gà chọi cũng đẹp và có bài bản nên nó cuốn hút đông đảo người xem, nhất là nam giới.

Trò đi cầu cạn là một trò chơi giải trí lành mạnh và ai cũng có thể tham gia được. Người ta lấy 3 đoạn tre cứng dài khoảng 2m bó 3 đầu tre vào nhau. Ba đầu kia để chõ ra 3 chân như chạc 3 cây gấu sòng tát nước. Rồi người ta lấy đoạn tre thứ tư, cũng cứng cáp như thế, một đầu để sát đất, một đầu buộc vào dây thừng ở bó tre 3 cây kia. Dây thừng kéo cao để thân tre cách mặt đất khoảng 30cm. Người chơi đi ra rồi vào trên thân tre đó mà không bị ngã xuống là được. Ban tổ chức sẽ tặng quà họ.

Một trò chơi nữa là trò đập niêu cũng thu hút nhiều người tham dự, nhất là tầng lớp thanh, thiếu niên.

Có một điều lạ là hiện nay dù các phương tiện giải trí khá nhiều và hiện đại, nhưng hằng năm đến dịp mở hội làng thì vẫn có nhiều người đến ghi tên tham dự các cuộc thi tài này. Đặc biệt là ở đền Đồng Cổ ngày nay trong dịp hội có

tổ chức thi đấu môn cầu lông cũng rất được thanh niên ưa chuộng.

Buổi tối mùng 3 tháng Tư thường có câu lạc bộ ngâm thơ. Chiều có hát ca trù, cũng có khi là đêm ca nhạc.

Lễ hội thể dục Đồng Cổ kết thúc vào chiều tối mùng 4 tháng Tư sau khi đã rước bài vị hai vị thành hoàng về đền làm lễ tế yên vị.

Kết luận

Trống đồng là vật thiêng, là tài sản vô giá tiêu biểu cho uy lực, sức mạnh của quốc gia. Thần trống luôn có mặt tại đền và xuất hiện đúng lúc đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng, lập lại cuộc sống cân bằng và bình yên cho xã hội.

Truyền thuyết về tính thiêng và sự hiện diện của thần trống trong giấc mơ của vị vua anh minh, hết lòng vì dân, đã phản ánh sức mạnh của nhân dân và lòng dân đối với đất nước, quê hương của mình.

Hội thể Đồng Cổ làng Đông Xã đã có giá trị lịch sử, văn hóa, bao hàm tinh thần nhân văn sâu sắc, có tác dụng giáo dục tầng lớp quan lại xưa trong quá trình phục vụ triều đình, cũng là trong quá trình bảo vệ sự vững mạnh cho nhà nước phong kiến Đại Việt.

Hội thể Đồng Cổ có tác dụng sâu sắc đối với nhân dân, không chỉ của địa phương làng Đông Xã mà còn với nhân dân thủ đô Hà Nội và hơn thế nữa của nhân dân cả nước.

Người dân coi hội thể Đồng Cổ là phương tiện tối thiêng để gìn giữ sự trong sáng, lòng trung thực trong quan hệ xã hội, nhưng sâu sắc nhất, hội thể Đồng Cổ đã phản ánh lòng yêu nước mãnh liệt của nhân Việt Nam đối với Tổ quốc./.